TIẾT 94

LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố các phép tính với số thập phân, về làm tròn và ước lượng; hai bài toán về tỉ số phần trăm.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS tự tin trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS Vận dụng được linh hoạt các tính chất, quy tắc đối với số thập phân trong các bài toán để tính nhanh, tính nhẩm một cách hợp lí.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Nhận biết, phát hiện đúng và giải quyết được dạng toán về tỉ số, tỉ số phần trăm trong thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tự học. Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có hứng thú, yêu thích môn toán.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, phiếu học tập. Chuẩn bị một điện thoại thông minh có tải phần mềm Flickers, mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, đồng thời tạo không khí vui vẻ hứng thú trước khi bước vào giờ học.

b) Nội dung: Chọn giá trị thích hợp (ghi trong các tấm bìa): 15; 23,50; 9,5; 325; 45; 10 dán vào chỗ trống để cho kết quả đúng:

1) Kết quả làm tròn số 9,5 đến hàng đơn vị là...

2) Kết quả của phép tính: $8,5 – (–1) = ...$

3) Kết quả làm tròn số 23,501 đến hàng phần trăm là: ...

4) Kết quả của phép chia 32,5 : 0,1 = ...

5) 25% của 60 có giá trị bằng ...

6) Số học sinh giỏi của lớp 6A là 18 bạn, chiếm 40% số học sinh của lớp. Số HS của lớp là ... (bạn).

c) Sản phẩm:

Câu	1	2	3	4	5	6
Kết quả	10	9,5	23,50	325	15	45

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
GV sử dụng bảng phụ ghi các câu hỏi, tấm bìa có ghi các số (có gắn nam châm ở mặt sau) để HS lựa chọn đặt vào chỗ thích hợp. Cho HS giải thích vì sao em lựa chọn kết quả đó.	HS quan sát câu hỏi, lựa chọn các giá trị tương ứng, lên lựa chọn lần lượt, giải thích.

Hoạt động 2: CÁC VÍ DỤ (12 phút)

a) Mục tiêu: HS sử dụng các thao tác tư duy để tính toán, so sánh, ước lượng trong các bài toán tổng hợp. Sử dụng được kiến thức đã học để giải quyết các bài toán thực tế.

Sử dụng đồ dùng, phương tiện học toán để tính toán, kiểm tra kết quả.

b) Nội dung: Ví dụ 1; Ví dụ 2 (SGK tr.41).

c) Sản phẩm:

– Ví dụ 1:

Vì 601 > 600; 212 > 200 nên ta ước lượng tích $601 \cdot 212$ lớn hơn: $600 \cdot 200 = 120000$.

Vì 117412 < 120000 nên kết quả phép tính là sai.

– Ví dụ 2: Khối lượng quá tải của xe là: 9,2 – 8 = 1,2 (tấn).

Tỉ lệ quá tải của xe là:

$$\frac{1,2}{8} \cdot 100\% = \frac{1,2 \cdot 100}{8}\% = 15\%.$$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
– Chiếu Ví dụ 1, cho HS đọc và thực hiện.	HS đọc đề bài, thực hiện cá nhân làm bài tập.

GV nhận xét. Sau đó sử dụng phần mềm giả lập máy tính, tính và trình chiếu cho HS quan sát để kiểm tra kết quả, khẳng định bạn HS đã tính sai.	HS trình bày, nhận xét chia sẻ.
GV chữa bài trên bảng. Yêu cầu HS ghi vở chính xác.	HS chữa bài vào vở.
– Chiếu nội dung Ví dụ 2. Cho HS trao đổi theo cặp đôi, GV hỗ trợ (nếu cần). Yêu cầu đại diện lên bảng trình bày. GV nhận định, đánh giá, sửa chữa cách trình bày cho HS.	HS trao đổi thực hiện theo cặp. 1 HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp nhận xét, chia sẻ.
– Giáo dục ý thức tuân thủ Luật an toàn giao thông: Xe tham gia giao thông, chở hàng không được chở quá tải, quá khổ gây mất an toàn giao thông.	HS nghe hiểu.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (20 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc đối với số thập phân trong các bài toán tính nhanh, tính hợp lí. Giải quyết các bài toán có nội dung thực tế liên quan các phép tính về số thập phân.

b) Nội dung: Bài tập 7.10, 7.11 (SGK tr.34); 7.21, 7.22 (SGK tr.41).

c) Sản phẩm:

– Bài tập 7.10: Cần tăng $0 – (– 4,5) = 4,5$ (^oC).

– Bài tập 7.11: Cần dùng $3,674 \cdot 4,4 = 16,1656$ (triệu tấn gỗ).

– Bài tập 7.21: a) $5,3 – (–5,1) + (–5,3) + 4,9 = 5,3 + 5,1 + (–5,3) + 4,9$

$= [5,3 + (–5,3)] + [5,1 + 4,9] = 10;$

b) $(2,7 – 51,4) – (48,6 – 7,3) = 2,7 – 51,4 – 48,6 + 7,3$

$= (2,7 + 7,3) – (51,4 + 48,6) = 10 – 100 = –90;$

c) $2,5 \cdot (–0,124) + 10,124 \cdot 2,5 = 2,5 \cdot (– 0,124 + 10,124) = 2,5 \cdot 10 = 25.$

– Bài tập 7.22: Thay $a = –7,2$ vào biểu thức ta được:

$7,05 – (–7,2 + 3,5 + 0,85) = 7,05 – (–2,85) = 9,9.$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Chiếu đề Bài tập 7.10 cho HS đọc và trả lời. GV nhận xét, chữa bài.	HS đọc, trả lời.

– Chiếu đề Bài tập 7.11, cho học sinh thảo luận theo cặp và trả lời. GV trợ giúp HS (nếu cần). Yêu cầu đại diện nhóm trả lời. GV nhận xét đánh giá.	HS thảo luận. HS trả lời, nhận xét, chia sẻ.
– Cho HS thực hiện cá nhân làm Bài tập 7.21, 3 HS lên bảng thực hiện mỗi em 1 ý. GV trợ giúp HS (nếu cần). Cho HS nhận xét bài trên bảng. GV nhận xét, chữa bài, đánh giá điểm cho HS. GV có thể sử dụng điện thoại thông minh có tải phần mềm Flickers, để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS. Chú ý sai lầm của HS khi bỏ dấu ngoặc: $(2,7 – 51,4) – (48,6 – 7,3) = 2,7 – 51,4 – 48,6 – 7,3.$	HS dưới lớp thực hiện. 3 HS lên bảng chữa bài. HS nhận xét, chia sẻ. Sửa chữa bài cho chính xác.
– Hướng dẫn HS thực hiện Bài tập 7.22. Sau đó yêu cầu 1 HS lên bảng thực hiện, HS dưới lớp cùng làm. Cho HS nhận xét bài của bạn. GV nhận xét, sửa chữa, đánh giá.	HS đọc yêu cầu, thực hiện cá nhân. 1 HS lên bảng làm bài. HS dưới lớp nhận xét.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (6 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức toán học để giải quyết bài toán thực tế.

b) Nội dung: Bài tập 7.16 (37/SGK).

c) Sản phẩm:

Mỗi quyển vở có giá không quá 6 000 đồng, mỗi bút chì và mỗi bút bi đều có giá không quá 3000 đồng. Tổng số tiền phải trả không quá:

$$6000 \cdot 15 + 3000 \cdot 5 + 3000 \cdot 10 = (6000 + 3000) \cdot 15 = 135000 \text{ (đồng)}.$$

Vậy với 150000 đồng, An đủ tiền mua số đồ dùng học tập đó.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu đề bài và cho HS thảo luận nhóm, thực hiện Bài tập 7.16.	HS thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trình bày cách giải. Các nhóm khác góp ý bổ sung.

GV chữa bài lên bảng. – GV chốt lại kiến thức, các dạng bài tập đã làm trong tiết học.	HS ghi vở. HS nghe.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập kiến thức về bài toán tỉ số, tỉ số phần trăm.

– Bài tập về nhà 7.23; 7.24; 7.25 (SGK tr.41).

TIẾT 95

LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Vận dụng kiến thức đã học giải quyết các bài toán tính toán với số thập phân, về làm tròn và ước lượng; hai bài toán về tỉ số phần trăm.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS tự tin trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS tổng hợp kiến thức giải quyết các bài toán tính toán với số thập phân, làm tròn, ước lượng. Giải quyết được bài toán về tỉ số, tỉ số phần trăm trong thực tế.
- Năng lực giao tiếp toán học: HS biết cách tóm tắt các bài toán, sử dụng đúng công thức, diễn đạt (nói, viết) đúng logic toán học.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tự học. Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, phiếu học tập. Chuẩn bị một điện thoại thông minh có tải phần mềm Flickers, mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (6 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, đồng thời hướng học sinh vào nội dung bài mới.

b) Nội dung:

Cho HS nhắc lại cách giải hai bài toán về tỉ số phần trăm.

Áp dụng:

a) Tính 30% của 240; b) Biết 68% của số m bằng 204. Tính m.

c) Sản phẩm:

HS nêu được cách giải hai bài toán về tỉ số phần trăm.

Áp dụng:

a) $40 \cdot \frac{30}{100} = 12$; b) $m = 204 : \frac{68}{100} = 300$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu nội dung phần mở đầu, cho HS trả lời cách giải hai bài toán về tỉ số phần trăm, theo đó GV chiếu nội dung trên bảng.	HS trả lời.
Cho 2 HS lên bảng thực hiện bài tập.	2 HS lên bảng thực biện.
Nhận xét, đánh giá điểm của HS.	HS dưới lớp cùng làm, nhận xét.

Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (30 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng được cách giải hai bài toán về tỉ số phần trăm để giải quyết các bài toán có nội dung thực tế.

b) Nội dung: Bài tập 7.23; 7.24; 7.25 (SGK tr.41).

c) Sản phẩm:

– Bài tập 7.23:

a) Tỉ lệ phần trăm lượng chất béo trong gạo là: $\frac{1,3}{100} \cdot 100\% = 1,3\%$.

b) Đổi 1,5 kg = 1 500 g.

Trong 1 gam gạo chứa lượng chất béo là: 1,3 : 100 = 0,013 (g).

Trong 1,5 kg gạo chứa lượng chất béo là: $1500 \cdot 0,013 = 19,5$ (g).

– Bài tập 7.24:

a) Tổng số tiền hàng là: $3,5 \cdot 18 + 4 \cdot 15,6 = 63 + 62,4 = 125,4$ (nghìn đồng).

Tiền thuế VAT là: $125,4 \cdot \frac{10}{100} = 12,54$ (nghìn đồng).

Số tiền Cường phải thanh toán là:

$$125,4 + 12,54 = 137,94 \text{ (nghìn đồng)} = 137940 \text{ (đồng)}.$$

– Bài tập 7.25:

Ta có 201 tấn của 30% bằng: $201 : \frac{30}{100} = 66,66....$

Vậy sản lượng hạt tiêu thế giới khoảng 670 nghìn tấn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
– Chiếu đề Bài tập 7.23, cho HS đọc yêu cầu. Yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời. GV hướng dẫn, cho HS lên bảng trình bày lần lượt ý a, b. GV nhận xét, chữa bài.	HS đọc. HS trả lời ý a. HS lên bảng trình bày ý a, b. Ghi vở.
– Chiếu đề Bài tập 7.24, cho học sinh thảo luận theo cặp và trả lời. GV trợ giúp HS (nếu cần): Ý b, tính 10% của tổng tiền hàng, số tiền phải thanh toán là tổng số tiền mua hàng và tiền thuế VAT. Yêu cầu đại diện nhóm lên bảng trình bày bài giải. GV nhận xét đánh giá.	HS thảo luận theo cặp đôi. HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp nhận xét, chia sẻ.
– Cho HS thực hiện cá nhân làm Bài tập 7.25. GV trợ giúp HS (nếu cần). GV có thể sử dụng điện thoại thông minh có tải phần mềm Flickers, để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS. Cho HS nhận xét bài trên bảng. GV nhận xét, chữa bài, đánh giá điểm cho HS.	HS dưới lớp thực hiện. 1 HS lên bảng chữa bài. HS nhận xét, chia sẻ. Sửa chữa bài cho chính xác.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (7 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức toán học để giải quyết bài toán thực tế.

b) Nội dung: Khi mua một chiếc điện thoại với giá 3 290 000 đồng, người mua có thể thanh toán toàn bộ số tiền 3 290 000 đồng hoặc trả trước 36% giá bán chiếc điện thoại và trả góp

trong 6 tháng, mỗi tháng 360 000 đồng. Theo em trả theo cách nào người mua phải trả nhiều tiền hơn?

c) Sản phẩm: Nếu mua trả góp số tiền phải trả cho chiếc điện thoại là:

$$3290000 \cdot \frac{36}{100} + 6 \cdot 3600 = 1184400 + 2160\,000 = 3344\,400 \text{ (đồng)}.$$

Vậy nếu mua trả góp sẽ phải trả nhiều tiền hơn.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
– GV chiếu đề bài và cho HS thảo luận nhóm, thực hiện Bài tập 7.16. – GV gợi ý (nếu cần): Tính xem 36% của 3290000 bằng bao nhiêu. Sau đó tính số tiền trả góp trong 6 tháng bằng bao nhiêu? Rồi tính tổng số tiền nếu mua trả góp và số tiền chiếc điện thoại $\Rightarrow$ So sánh kết quả. GV chữa bài lên bảng. – GV chốt lại kiến thức, các dạng bài tập đã làm trong tiết học.	HS thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trình bày cách giải. Các nhóm khác góp ý bổ sung. HS ghi vở. HS nghe.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

Chuẩn bị nội dung Chương II: Thực hiện vẽ bản đồ tư duy hệ thống lại kiến thức Chương II, làm các bài tập từ 7.26 đến 7.29 (SGK tr.42).